

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NINH GIAI ĐOẠN 2018 - 2022

Trong quá trình phát triển kinh tế của tỉnh, công tác bảo vệ môi trường (BVMT) trên địa bàn tỉnh đã được các cấp ủy đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị của tỉnh quan tâm đúng mức. Từ năm 2010 đến nay, Ban thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 30-CT/TU ngày 07/9/2010 về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh đã ban hành các Nghị quyết số 33/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 về những chủ trương, giải pháp tăng cường công tác quản lý bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ninh trong giai đoạn 2011-2015; Nghị quyết số 236/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 về những chủ trương, giải pháp tăng cường công tác quản lý bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020. Kết quả đã tạo được chuyển biến tích cực trong nhận thức, tổ chức thực hiện; chất lượng môi trường của tỉnh ngày càng được cải thiện; ý thức trách nhiệm đối với công tác BVMT của người dân, tổ chức, doanh nghiệp và du khách đến với Quảng Ninh đã được nâng lên; mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường đã từng bước được hạn chế.

Tuy nhiên, Quảng Ninh vẫn chịu ảnh hưởng lớn bởi ô nhiễm môi trường, nhất là do hậu quả khai thác than từ hàng trăm năm để lại và sự phát triển của các ngành sản xuất công nghiệp (xi măng, nhiệt điện, vật liệu xây dựng ...). Tình trạng ô nhiễm bụi, không khí, đất, nước... tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của nhân dân, cảnh quan của vùng đất có nhiều điểm du lịch đặc sắc; đa dạng sinh học đã có biểu hiện bị suy giảm, ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường cảnh quan tự nhiên; những diễn biến xấu về khí hậu, thiên tai, lũ lụt... đã gây áp lực lớn đối với trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương; đặt công tác BVMT trước những thách thức gay gắt.

Những hạn chế trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan, song nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu: Nhận thức, ý thức trách nhiệm của các ngành, các cấp và người dân còn hạn chế, còn khoảng cách lớn giữa nhận thức và hành động, giữa cam kết và thực thi. Một số cấp ủy đảng, chính quyền tập trung ưu tiên phát triển kinh tế nhưng chưa coi trọng đúng mức công tác BVMT; nguồn lực đầu tư cho môi trường còn hạn chế so với yêu cầu thực tiễn, trong đầu tư còn dàn trải, chưa xác định rõ các lĩnh vực, nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm; chưa có cơ chế, chính sách hợp lý để tạo đột phá thu hút nguồn lực trong xã hội cho BVMT. Công tác quản lý nhà nước về môi trường còn hạn chế, phân công, phân cấp trách nhiệm chưa rõ ràng; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm, đấu tranh phòng chống tội phạm về môi trường còn chưa kiên quyết, chưa thường xuyên và thiếu tính dứt điểm.

2.2- Mục tiêu cụ thể

(1) Đến hết năm 2018, không còn hoạt động của lò vôi thủ công trên địa bàn tỉnh; chấm dứt hoạt động của Nhà máy tuyển than Nam Cầu Trắng.

(2) Đến hết năm 2020, 100% địa phương có khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung theo quy mô hợp lý, dây chuyền công nghệ tiên tiến, phù hợp; đảm bảo vệ sinh, môi trường; di dời toàn bộ các cơ sở tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường hoặc không phù hợp với quy hoạch đô thị ra khỏi các khu dân cư.

Phấn đấu đến năm 2022 đạt được các mục tiêu sau:

(3) 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có quy mô xả nước thải từ 1.000 m³/ngày đêm trở lên, các khu công nghiệp đã đi vào hoạt động hoàn thành lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục và truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường.

(4) 100% các khu, cụm công nghiệp có hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung trước khi đi vào hoạt động.

(5) 100% nước thải sinh hoạt từ các khu đô thị mới được xử lý tập trung đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

(6) Tỷ lệ thu gom, vận chuyển, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng đạt trên 90%.

(7) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị được thu gom, xử lý đạt 100%.

(8) Tỷ lệ chất thải nguy hại, chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt 100%.

(9) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 55,5%.

(10) Tỷ lệ dân cư đô thị được sử dụng nước sạch trên 99%, dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh trên 99%.

(11) Tỷ lệ dân cư nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt trên 90%.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1- Nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác bảo vệ môi trường

- Các cấp ủy đảng trực tiếp lãnh đạo và phân công cấp ủy viên phụ trách lãnh đạo về lĩnh vực môi trường. Cấp ủy, chính quyền các địa phương chịu trách nhiệm toàn diện về các vấn đề môi trường trên địa bàn và chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nếu để xảy ra sự cố môi trường nghiêm trọng trên địa bàn được giao quản lý.

- Đưa mục tiêu, nhiệm vụ BVMT vào các nghị quyết, chương trình, quy hoạch, dự án, kế hoạch công tác hằng năm và theo giai đoạn; chủ động rà soát, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm về BVMT ở địa phương, cơ quan, đơn vị để tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả; ưu tiên phân bổ, bố trí đủ nguồn ngân sách thực hiện đầu tư các dự án về môi trường có trọng tâm, trọng điểm và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác cho công tác bảo vệ môi trường.

3- Phát huy vai trò trách nhiệm của các doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, mỗi người dân và khách du lịch trong bảo vệ môi trường

- Các chủ doanh nghiệp, các tổ chức cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải thực hiện đúng, đủ yêu cầu của pháp luật về đánh giá tác động môi trường, đăng ký phương án BVMT và thực hiện nghiêm túc các nội dung đã cam kết về môi trường. Có trách nhiệm đóng góp công sức, tài chính cho hoạt động BVMT; trường hợp gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải khắc phục, bồi thường thiệt hại và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

- Các địa phương trong tỉnh thành lập, củng cố các hợp tác xã dịch vụ môi trường, các mô hình tổ, đội thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt ở thôn, bản, khu phố.

- Nâng cao trách nhiệm của đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn chịu tác động môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong việc phối hợp với chính quyền tham gia đánh giá kết quả BVMT.

4- Chủ động phòng ngừa, kiểm soát tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường, tập trung vào các khu vực Vịnh Hạ Long, Vịnh Bái Tử Long, Khu hành chính kinh tế - đặc biệt Vân Đồn

- Xây dựng và ban hành bộ Quy chuẩn môi trường tỉnh Quảng Ninh, đưa vào một số chỉ tiêu môi trường riêng, đặc biệt là tiêu chuẩn BVMT các khu vực Vịnh Hạ Long, Vịnh Bái Tử Long, Khu hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn, hoàn thành và đưa vào áp dụng cuối năm 2018 để thực hiện lộ trình áp dụng tiêu chuẩn môi trường của các nước tiên tiến đối với tỉnh Quảng Ninh.

- Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp chặt chẽ để triển khai có hiệu quả, thiết thực về công tác BVMT trong từng khu dân cư, trong từng đơn vị và từng địa bàn. Các khu đô thị mới (đặc biệt là các khu đô thị ven Vịnh Hạ Long, Vịnh Bái Tử Long, Khu hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn...) có hệ thống thu gom nước thải độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Hạn chế tối đa và tiến tới chấm dứt hoạt động các nhóm ngành có nguy cơ gây ô nhiễm cao. Toàn bộ các dự án trước khi cấp phép hoạt động đều phải đảm bảo thủ tục pháp lý về môi trường theo đúng quy định; không chấp thuận các dự án đầu tư với công nghệ lạc hậu và các loại hình sản xuất phát thải lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM); đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, xác nhận hoàn thành nội dung ĐTM theo cam kết của chủ dự án. Kiểm soát chặt chẽ về môi trường đối với các hoạt động xuất nhập khẩu, hoạt động trên biển, sẵn sàng ứng phó kịp thời, khắc phục sự cố tràn dầu, hóa chất độc hại trên biển.

- Các khu du lịch, dịch vụ tập trung (đặc biệt là các khu du lịch như: Trà Cổ, Yên Tử, Cửa Ông, Cô Tô, Vân Đồn...) tổ chức niêm yết công khai các quy định về BVMT và giữ gìn vệ sinh nơi công cộng; cơ sở vật chất đảm bảo cho việc thực hiện vệ sinh môi trường của cộng đồng.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về môi trường cần tập trung vào các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao. Xử lý nghiêm các vi phạm

- Thực hiện đầu tư hạ tầng giao thông, điện, xử lý môi trường, xây dựng hàng rào phân cách với khu dân cư tại các khu nghĩa trang hiện hữu trên địa bàn từng địa phương, đặc biệt là tại khu vực nghĩa trang Đèo Sen, Hà Khẩu, Góc Khé - Hà Tu thuộc thành phố Hạ Long.

- Ưu tiên triển khai tổ chức thực hiện hoàn thành dứt điểm các dự án di dân ra khỏi vùng sạt lở, ngập lụt, nguy hiểm trong năm 2018. Đồng thời tập trung triển khai các dự án thuộc Đề án đảm bảo môi trường cấp bách ngành than, trong đó tập trung vào công tác cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác.

6- Đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật về môi trường; hệ thống quan trắc tự động, liên tục các thông số môi trường

- Tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp, hoàn thành tổng thể hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh và ưu tiên đầu tư hoàn chỉnh trung tâm điều hành thông minh về quan trắc môi trường để kiểm soát toàn diện về môi trường đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh. Trước ngày 31/12/2018, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có quy mô xả nước thải từ 1.000m³/ngày đêm trở lên, các khu công nghiệp đã đi vào hoạt động hoàn thành lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Toàn bộ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có quy hoạch các khu chức năng phù hợp với quy định về BVMT; có hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, có hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục khi lưu lượng nước thải lớn hơn 1000 m³/ngày đêm; có diện tích cây xanh tối thiểu chiếm 10% tổng diện tích của toàn bộ khu, cụm công nghiệp.

- Rà soát tổng thể các dự án thu gom, xử lý rác thải trong các khu công nghiệp, khu dân cư; từng bước đầu tư nâng cấp hoàn chỉnh các trạm thu gom, xử lý rác thải trong các khu công nghiệp đảm bảo tiêu chuẩn với công nghệ hiện đại, tiên tiến; rà soát toàn diện quy hoạch các hệ thống thu gom và thoát nước trong từng khu đô thị, từng địa phương để có quy hoạch tổng thể, từ đó có lộ trình đề đầu tư các tuyến thoát nước có tính cơ bản đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đảm bảo đủ thoát nước trong các mùa mưa; trong đó, tập trung khắc phục triệt để tình trạng ngập úng cục bộ khi có mưa trong các đô thị.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng và hoàn thành dự án thoát nước và xử lý nước thải tại các địa phương: Hạ Long, Móng Cái, Uông Bí và xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải độc lập, tách khỏi thoát nước mặt tại các đô thị loại 3 trở lên trước ngày 31/12/2020.

- Đầu tư, xây dựng và vận hành hiệu quả các nhà vệ sinh công cộng tại các địa điểm du lịch và trung tâm đô thị lớn của tỉnh; nạo vét cải tạo ao, hồ sinh thái khu vực đô thị; nạo vét hệ thống cống rãnh thu gom nước thải sinh hoạt, chăn nuôi ở nông thôn; đầu tư các dự án cung cấp nước sạch, thu gom, xử lý rác thải, tiêu thoát nước, xử lý nước thải, nghĩa trang... đáp ứng các tiêu chí số 17 về môi trường nông thôn mới, trong đó đặc biệt quan tâm tới khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

- Đầu tư, xây dựng các công trình cảnh báo, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, sự cố tràn dầu, sự cố hóa chất và sự cố thiên tai bão lũ, sạt lở đất để kịp thời có giải pháp phòng ngừa đảm bảo an toàn cho môi trường và dân cư.

BVMT, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; Xây dựng cơ chế chính sách phù hợp để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu về BVMT trong tình hình mới.

9- Phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Nâng cao nhận thức cho cộng đồng về biến đổi khí hậu. Đầu tư trang thiết bị và đào tạo nguồn nhân lực cho công tác cảnh báo sớm thiên tai của tỉnh; xây dựng các mô hình cảnh báo sớm cho khu vực có nguy cơ lũ quét và sạt lở đất cao.

- Triển khai kiểm kê, áp dụng các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính, chất làm suy giảm tầng ô-zôn theo đúng nội dung các cam kết tại Hội nghị Liên Hiệp Quốc năm 2015 về biến đổi khí hậu (COP21). Khuyến khích hỗ trợ kỹ thuật để người dân, cộng đồng triển khai, mở rộng quy mô các mô hình sản xuất thân thiện với môi trường.

- Đầu tư phát triển các loại hình giao thông công cộng sạch và hiệu quả; cải thiện cơ cấu chất đốt ở nông thôn; ứng dụng công nghệ xử lý và tái tạo phụ phẩm, phế thải trong sản xuất nông nghiệp; sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng trong các cơ sở thương mại, sản xuất; thu hồi nhiệt thải trong các nhà máy, xí nghiệp; hạn chế tối đa phát triển các nhóm ngành phát sinh nhiều khí thải gây hiệu ứng nhà kính.

- Thực hiện chương trình nâng cấp, bảo đảm an toàn các đê, đập, hồ chứa nước; bảo vệ không gian thoát lũ trên các lưu vực sông; rà soát, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu của tỉnh theo kịch bản biến đổi khí hậu mới do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố.

10- Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động bảo vệ môi trường; mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, hợp tác liên vùng về bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh xã hội hóa để thu hút nguồn lực đầu tư cho các công trình trọng điểm xử lý nước thải, chất thải rắn và phục hồi môi trường dân sinh. Ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp và người dân tham gia hoạt động BVMT trong các lĩnh vực xử lý chất thải, tái chế, tái sử dụng chất thải, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó sự cố môi trường, ứng dụng khoa học công nghệ sản xuất tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, sử dụng hiệu quả tài nguyên.

- Tiếp tục thu hút đầu tư nước ngoài, đẩy mạnh triển khai đầu tư theo hình thức đối tác công tư và thúc đẩy hợp tác với các nhà đầu tư trong nước nhằm triển khai các dự án bảo vệ môi trường, nhất là về thu gom, xử lý chất thải rắn, nước thải sinh hoạt tập trung.

- Phối hợp chặt chẽ công tác quản lý nhà nước về BVMT liên vùng với các tỉnh, thành phố giáp ranh với tỉnh Quảng Ninh: Hải phòng, Hải Dương, Bắc Giang, Lạng sơn.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực chuyển giao công nghệ xử lý chất thải tiên tiến, các dự án tiết kiệm năng lượng đã được xác định trong Quy hoạch môi trường của Tỉnh; thực hiện các Công ước quốc tế về bảo vệ môi trường. Phối hợp với các địa phương biên giới của Trung Quốc trong cam kết thực hiện Công ước Basel (ba-zen) về kiểm soát việc vận chuyển chất thải nguy hại qua biên giới.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Các cấp ủy đảng, chính quyền; ban cán sự đảng, đảng đoàn; các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp tổ chức phổ biến, quán triệt, xây dựng chương trình (kế hoạch) và tổ chức thực hiện Nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ một cách cụ thể, thực chất; định kỳ hằng năm tổ chức sơ kết, khen thưởng, biểu dương những tập thể, cá nhân điển hình, tích cực trong công tác bảo vệ môi trường; phê bình, kỷ luật đối với các tập thể, cá nhân yếu kém.

2- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo việc rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, tạo điều kiện pháp lý thuận lợi nhất thực hiện các dự án về môi trường cũng như để thực thi cụ thể các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường.

3- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng và triển khai chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, trong đó cần cụ thể hóa nội dung nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình thực hiện gắn với thứ tự ưu tiên để triển khai thực hiện từng nhiệm vụ.

4- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì phối hợp với Ban cán sự đảng UBND tỉnh tham mưu cho Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh sơ kết, tổng kết việc triển khai, thực hiện Nghị quyết. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch và tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, định kỳ báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Các ban xây dựng đảng và Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tham mưu, đôn đốc việc tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được quán triệt đến cán bộ, đảng viên./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng (*để báo cáo*),
- Ban Kinh tế TW, Văn phòng TW Đảng,
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh
- Các đảng bộ trực thuộc tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu VPTU, TH10.

**T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ**



Nguyễn Văn Đốc